TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC B - KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **43**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21/8/2025
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC B - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa Phên tòa: Bà **Phạm Huỳnh Tường Viên**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trương Tha**
Ông **Nguyễn Chung**

- ***Thư ký Phên tòa:*** Bà **Trương Thị Thẩm** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực B – Khánh Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực B - Khánh Hòa tham gia Phên tòa:*** Ông **Trương Ngọc Bình** – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực B - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 335/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn Phên tòa số 14/2025/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Kim T** – Sinh năm 1994
Địa chỉ: Thôn N, xã N, tỉnh Khánh Hòa.
Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông **Trần Quốc P** – Sinh năm 1994
Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường N, tỉnh Khánh Hòa.
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:*

Bà và ông Trần Quốc P tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (nay là Ủy ban nhân dân phường N, tỉnh Khánh Hòa). Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do ông P hay nhậu nhẹt, về nhà đánh đập, xúc phạm bà nên thường xuyên kình cãi nhau. Nay tình cảm vợ chồng lạnh nhạt và không còn quan tâm chung sống với nhau nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Quốc P.

Về con chung: Bà và ông P có 02 con chung tên Trần Quỳnh C, sinh ngày 03/4/2015 và Trần Nguyễn Minh Q, sinh ngày 05/01/2017. Quá trình giải quyết vụ án, bà yêu cầu nuôi hai con chung và yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu 3.000.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa, bà T yêu cầu nuôi hai con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/6/2025, bị đơn – ông Trần Quốc P trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị Kim T tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân phường N. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn kình cãi nhau nhưng vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Quỳnh C, sinh ngày 03/4/2015 và Trần Nguyễn Minh Q, sinh ngày 05/01/2017. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông đồng ý giao hai con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu 3.000.000 đồng/tháng. Ông không yêu cầu giải quyết tài sản chung.

**** Tại phiên tòa, vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Khánh Hòa trình bày quan điểm:***

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: nguyên đơn yêu cầu ly hôn là có cơ sở vì tình cảm không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: bà T và ông P có 02 con chung tên Trần Quỳnh C, sinh ngày 03/4/2015 và Trần Nguyễn Minh Q, sinh ngày 05/01/2017. Xét bà T đang nuôi hai con chung và các cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nuôi hai con chung Trần Quỳnh C, sinh ngày 03/4/2015 và Trần Nguyễn Minh Q, sinh ngày 05/01/2017. Quá trình giải quyết vụ án, bà T yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi hai con chung, mỗi cháu 3.000.000 đồng/tháng nhưng tại tòa bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đồng thời tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Trần Quốc P đều vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Ông Trần Quốc P có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố P, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (nay là tổ dân phố P, phường N, tỉnh Khánh Hòa). Do đó Tòa án nhân dân khu vực B - Khánh Hòa có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ tranh chấp:* Bà T yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với ông P nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về nội dung vụ án:*

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Trần Quốc P tự nguyện chung sống, kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (nay là Ủy ban nhân dân phường N, tỉnh Khánh Hòa) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10/2015, quyển số 01/2015, cấp ngày 09 tháng 02 năm 2015. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim T và ông Trần Quốc P là hợp pháp.

Theo lời trình bày của nguyên đơn thì sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do ông P hay nhậu nhẹt, về nhà đánh đập, xúc phạm bà nên thường xuyên kình cãi nhau làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt và không còn quan tâm, chung sống với nhau. Bị đơn có lời trình bày ngày 10/6/2025 thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn kình cãi nhau nhưng vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu nguyên đơn. Ông Trần Quốc P đã được triệu tập đến tòa để thực hiện quyền, nghĩa vụ nhưng không có mặt là tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Xét thấy cuộc sống vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau nhưng cuộc sống chung giữa bà T và ông P không hạnh phúc, tình trạng hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Bà T và ông P có hai con chung tên Trần Quỳnh C, sinh ngày 03/4/2015 và Trần Nguyễn Minh Q, sinh ngày 05/01/2017. Bà T trình bày quá trình chung sống với nhau ông P làm nghề lái xe thường xuyên xa nhà nên bà là người trực tiếp chăm sóc các con nên yêu cầu nuôi hai con chung và yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu 3.000.000 đồng/tháng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/6/2025, ông P trình bày trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì đồng ý giao con chung cho bà T nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 3.000.000 đồng/tháng. Tại Pên tòa, bà T yêu cầu nuôi hai con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét, bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và các con đều có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn là quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và để đảm bảo cho các cháu có đủ điều kiện phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội nên cần căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, giao hai con chung Trần Quỳnh C, sinh ngày 03/4/2015 và Trần Nguyễn Minh Q, sinh ngày 05/01/2017 cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp. Sau khi ly hôn, ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực B – Khánh Hòa về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát có quan điểm cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn và tranh chấp con chung là có cơ sở chấp nhận và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Quan điểm nói trên của vị đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Tòa án nên chấp nhận.

[6] *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Kim T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 264, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Trần Quốc P.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Trần Quỳnh C, sinh ngày 03/4/2015 và Trần Nguyễn Minh Q, sinh ngày 05/01/2017 cho bà Nguyễn Thị Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, ông P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002737 ngày 20/5/2025 của C cục thi hành án Dân sự thị xã N.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại Pên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực B - Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- UBND phường N (GCNKH số 10 ngày 09/02/2015);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PÊN TÒA

Phạm Huỳnh Tường Viên